

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN S : 15/2022/HNGS-ST
NGÀY 18 THÁNG 4 NĂM 2022
U/ U: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huệ
2. Bà Thân Thị Tuyết Nhung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Trong ngày 18/4/2022, tại trụ sở TAND thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/02/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Bắc Giã, đường II, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Bị đơn: Anh Trương Quang Đ, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 22, tổ dân phố 2A, đường Nguyễn Công Hãng, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 25/01/2016 chị kết hôn với anh Trương Quang Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B. Vợ chồng chung sống đến tháng 6/2016 thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ không có trách nhiệm với cuộc sống vợ chồng, không chu cấp tiền, không quan tâm tới con cái. Cho đến thời điểm hiện tại con chung đã 5 tuổi nhưng anh Đ không gửi tiền nuôi con. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không còn liên lạc qua lại với nhau. Gia đình hai bên và bạn bè hòa giải nhưng không thể được. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể hòa giải nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn nhanh chóng.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trương Minh Tuệ, sinh

01/9/2016 hiện đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Chị làm Sales du lịch, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2022, bị đơn anh Trương Quang Đ trình bày:

Ngày 25/01/20216 anh kết hôn với chị Nguyễn Thu H trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Nguyên Hãn, tHnh phố B, tỉnh B. Vợ chồng chung sống, hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến khoảng tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khi kết hôn chưa thực sự hiểu rõ về nhau nên khi về chung sống thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, không còn quan tâm tới nhau, vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có tình cảm. Do vậy, anh và chị H đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh và chị H thỉnh thoảng có liên lạc điện thoại với nhau nhưng cũng không giải quyết được mâu thuẫn. Gia đình, bạn bè hai bên có hòa giải nhưng vợ chồng không về chung sống được do không còn tình cảm, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nên mỗi người đã có cuộc sống riêng của mình. Chị H đề nghị ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung là Trương Minh Tuệ, sinh 01/9/2016 hiện đang ở cùng chị H. Khi ly hôn do con chung còn nhỏ, đang ở cùng chị H nên anh để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh đang làm tại Công ty điện lực B – địa chỉ: Số 22, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, tHnh phố B, tỉnh B; thu nhập bình quân khoảng 10 triệu đồng/ tháng. Chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 08/4/2022, ông Trương Quang THnh là bố đẻ anh Đ cung cấp: Anh Trương Quang Đ hiện đang sống cùng ông. Anh Đ, chị H kết hôn cuối năm 2015. Sau khi kết hôn chị H và anh Đ chung sống với nhau tại gia đình ông được 1 tháng thì chị H về nH mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay đã khoảng 5- đến 6 năm chị H không sống cùng anh Đ nữa, vợ chồng đã ly thân 6 năm. Vợ chồng có một con chung Trương Minh Tuệ, hiện đang ở với chị H. Do cháu con chung còn nhỏ nên ở với mẹ là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày 13/4/2022: Tòa án phải hoãn phiên tòa vì lý do anh Trương Quang Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa ngày 18/4/2022: Anh Trương Quang Đ vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thu H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử

và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Trương Quang Đ.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trương Minh Tuệ, sinh 01/9/2016. Yêu cầu cấp dưỡng không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

[2.1] Chị Nguyễn Thu H và anh Trương Quang Đ kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B, được UBND phường Trần Nguyên Hãn cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tham gia tố tụng, chị H, anh Đ đều trình bày do vợ chồng mâu thuẫn nên đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau từ tháng 6/2016 đến nay. Chị H, anh Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đều thống nhất ly hôn.

[2.2] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về nuôi con chung: Chị H, anh Đ có một con chung là Trương Minh Tuệ, sinh 01/9/2016 hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H đề nghị được tiếp tục nuôi con chung, anh Đ đồng ý. Xét thấy, chị H có công việc và thu nhập, để đảm cuộc sống ổn định của con chung cần giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX xem xét.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án

giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Trương Quang Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trương Minh Tuệ, sinh 01/9/2016. Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số 0001361 ngày 11/02/2022. Xác nhận chị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;.
- VKSND Tp B;.
- CCTHADS Tp B;
- UBND phường Trần Nguyên Hãn, tp B;
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Luyện